TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/HNGĐ- ST
Ngày: 21/8/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quàng Văn Sun và ông Nguyễn Khắc Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Văn Long, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vừ Thị D** sinh năm 1984
Nơi thường trú: Bản H, xã N, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)
Số Căn cước công dân: 011184007412.
- Bị đơn: Anh **Lý A P** sinh năm 1982
Nơi thường trú: Bản H, xã N, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)
Số Căn cước công dân: 011082001634.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/02/2026 , quá trình giải quyết nguyên đơn chị Vừ Thị D trình bày:

Chị Vừ Thị D và anh Lý A P tìm hiểu nhau và tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương từ năm 2006, sau khi chung sống một thời gian mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên vào ngày 03/12/2013. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm và thường xuyên cãi vã, hai vợ chồng không còn quan tâm với nhau, không cùng nhau vun vén kinh tế, chăm sóc con cái, hai vợ chồng đã ly thân nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P;

Về con chung: Chị D, anh P có 04 con chung là các cháu: Lý A S sinh ngày 24/01/2008, Lý Thị M sinh ngày 14/12/2012, Lý Thị B sinh ngày 08/9/2015 và Lý A L sinh ngày 15/01/2021. Đối với cháu Lý A S đã thành niên và khỏe mạnh, phát triển bình thường chị D không yêu cầu giải quyết. Chị D đề nghị giải quyết việc nuôi con chung đối với các cháu Lý Thị M, Lý Thị B và Lý A L. Đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của các cháu, hiện các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị D không yêu cầu giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2026, anh Lý A P trình bày:

Về hôn nhân: Anh P có kết hôn như chị D trình bày, cuộc sống chung mâu thuân, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, hiện đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau, chị D xin ly hôn anh P nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị D, anh P có 04 con chung là các cháu: Lý A S sinh ngày 24/01/2008, Lý Thị M sinh ngày 14/12/2012, Lý Thị B sinh ngày 08/9/2015 và Lý A L sinh ngày 15/01/2021. Anh P đề nghị giao cháu Lý A L cho anh P, nhất trí giao cháu Lý Thị M và cháu Lý Thị B cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh P không yêu cầu giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc nên chị D, anh P đều đề nghị xét xử vắng mặt. Cháu Lý Thị M và cháu Lý Thị B có đơn trình bày đề nghị được ở với chị D, cháu Lý a L có đơn trình bày đề nghị được ở với anh P.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên khẳng định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đảm bảo đúng qui định; Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Đ điện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị D được ly hôn với anh P, giao hai cháu M, B cho chị D, giao cháu L cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Cháu S đã thành niên, khỏe mạnh bình thường, các đương sự không có yêu cầu, nên không đề cập. Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con; Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cho chị D được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 06/4/2026 chị Vừ Thị D nộp đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2026 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Lý A P; Nơi thường trú: Bản H, xã N, tỉnh Điện Biên. Chị D có quyền yêu cầu giải quyết ly

hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ngày 06/4/2026 chị D được chấp nhận miễn nộp tiền tạm ứng án phí, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị D theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Vừ Thị D và anh Lý A P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị D, anh P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D, anh P.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Chị Vừ Thị D và anh Lý A P kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên ngày 03/12/2013 các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D, anh P là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì lâm vào mâu thuẫn. Hiện chị D và anh P không còn quan tâm, tôn trọng, chia sẻ và chăm sóc nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không cùng nhau vun vén kinh tế chăm sóc con cái, hiện đã ly thân nhau. Nội dung trên được các bên trình bày, chính quyền địa phương cũng đã xác nhận. Chị D cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn, anh P cũng nhất trí ly hôn. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định hai bên đương sự đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị D, giải quyết cho ly hôn giữa chị D với anh P.

Về con chung: Chị D và anh P có 04 con chung là các cháu: Lý A S sinh ngày 24/01/2008, Lý Thị M sinh ngày 14/12/2012, Lý Thị B sinh ngày 08/9/2015 và Lý A L sinh ngày 15/01/2021. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Lý A S đã thành niên và khỏe mạnh, phát triển bình thường chị D, anh P không yêu cầu giải quyết nên không đề cập. Đối với các cháu Lý Thị M, Lý Thị B và Lý A L, chị D đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của các cháu, hiện các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Cháu M, cháu B có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu L có nguyện vọng được ở với bố. Anh P cũng nhất trí giao cháu M, B cho chị D, giao cháu L cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu L đang ở với anh P, cháu M và cháu B đang ở với chị D. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của các con chung, đảm bảo việc ăn ở sinh hoạt ổn định của các cháu, trên cơ sở xem xét nguyện vọng của con chung. Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ các quy định tại Điều 58, Điều 69, các khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu M, cháu B cho chị D, giao cháu L

cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp, đồng thời cũng đảm bảo đúng các quy định của pháp luật. Các bên không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về Án phí: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cho chị D được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án do chị D là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, các khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vừ Thị D, cho ly hôn giữa chị Vừ Thị D và anh Lý A P.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Thị M sinh ngày 14/12/2012 và cháu Lý Thị B sinh ngày 08/9/2015 cho chị Vừ Thị D, giao cháu Lý A L sinh ngày 15/01/2021 cho anh Lý A P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Cháu Lý A S đã thành niên, khỏe mạnh bình thường các đương sự không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đề cập.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vừ Thị D được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 4 - Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Tòa án tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Nậm Nèn, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Ngọc